

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---- o0o ----

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ
Năm 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà
Tên tiếng Anh: HONG HA STATIONERY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: HONG HA JSC

Logo:



Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100216 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 28/03/2018

Vốn điều lệ: 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi một triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Địa điểm 2: 672 Ngô Gia Tự - Quận Long Biên - Hà Nội

Điện thoại: 024 3652 3332 – Fax: 024 3652 4351

Website: <http://www.vpphongha.com.vn>

Mã cổ phiếu: HHA - Sàn giao dịch: UPCOM

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (Công ty) trước đây là Nhà máy Văn phòng phẩm Hồng Hà, nhà máy sản xuất đồ dùng văn phòng đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập theo Quyết định số 2406/BCN/TC ngày 21/10/1959 của Bộ Công nghiệp.
- Theo Quyết định số 1014QĐ/TCLĐ ngày 28/07/1995 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương), Nhà máy văn phòng phẩm Hồng Hà chính thức đổi thành Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà.
- Ngày 02/08/1995, Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà chính thức gia nhập Tổng Công ty Giấy Việt Nam. Từ đây, Công ty có điều kiện hội nhập với ngành Giấy, mở ra hướng phát triển mới cho Công ty.

- Với tư duy năng động của lãnh đạo, lại được Tổng công ty Giấy Việt Nam giúp đỡ và tạo điều kiện về cơ chế và vốn. Từ năm 1999, Công ty đã mạnh dạn tập trung nghiên cứu sản xuất các mặt hàng giấy vớ; từng bước hoàn thiện công nghệ, thiết bị cả về chiều rộng và chiều sâu nên sản phẩm chủng loại trở nên đa dạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, các dây chuyền sản xuất vớ, sổ các loại, đồ dùng văn phòng và các loại bút mới: bút bi, bút chì, bút dạ kim,... được đưa vào hoạt động. Sản phẩm của Công ty liên tục được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao”; thương hiệu Hồng Hà đạt giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” và là một trong 100 thương hiệu mạnh toàn quốc.
- Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà được phê duyệt phương án chuyển đổi thành Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/8/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Kể từ sau cổ phần hóa đến nay, với tư duy cởi mở, năng động, sáng tạo, chủ động trong công tác điều hành, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã có những tiến bộ vượt bậc trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). Nếu như năm 2006, tổng doanh thu của Công ty mới đạt 183,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6,014 tỷ thì sang đến năm 2017, tổng doanh thu của Công ty đã chạm mốc 595 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 35 tỷ đồng. Cùng với hiệu quả SXKD, thu nhập của cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng được đảm bảo.
- Ngày 21/10/2015, Tổng công ty Giấy Việt Nam đã thực hiện chào bán thành công phần vốn Nhà nước tại Công ty. Số lượng chào bán thành công là 2.450.085 cổ phần, tương đương 41,55% vốn điều lệ Công ty. Như vậy, kể từ ngày 21/10/2015, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã chính thức không còn vốn của cổ đông Nhà nước.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 28/03/2018; theo Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (có hiệu lực từ 01/07/2015); theo Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà kinh doanh các ngành hàng:
 - Văn phòng phẩm và đồ dùng học sinh các loại.
 - Giấy và các sản phẩm từ giấy.
 - Nhựa và các sản phẩm từ nhựa.
 - Kim loại và các sản phẩm từ kim loại.
 - Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà xưởng, văn phòng.
- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 28/03/2018, Công ty có trụ sở chính tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và có các Chi nhánh và Địa điểm kinh doanh, địa chỉ như sau:

Tên chi nhánh**Địa chỉ**

- Chi nhánh Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng – Mã số chi nhánh 0100100216-010 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Thành phố Hồ Chí Minh - Mã số chi nhánh 0100100216-004 C12/1A ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

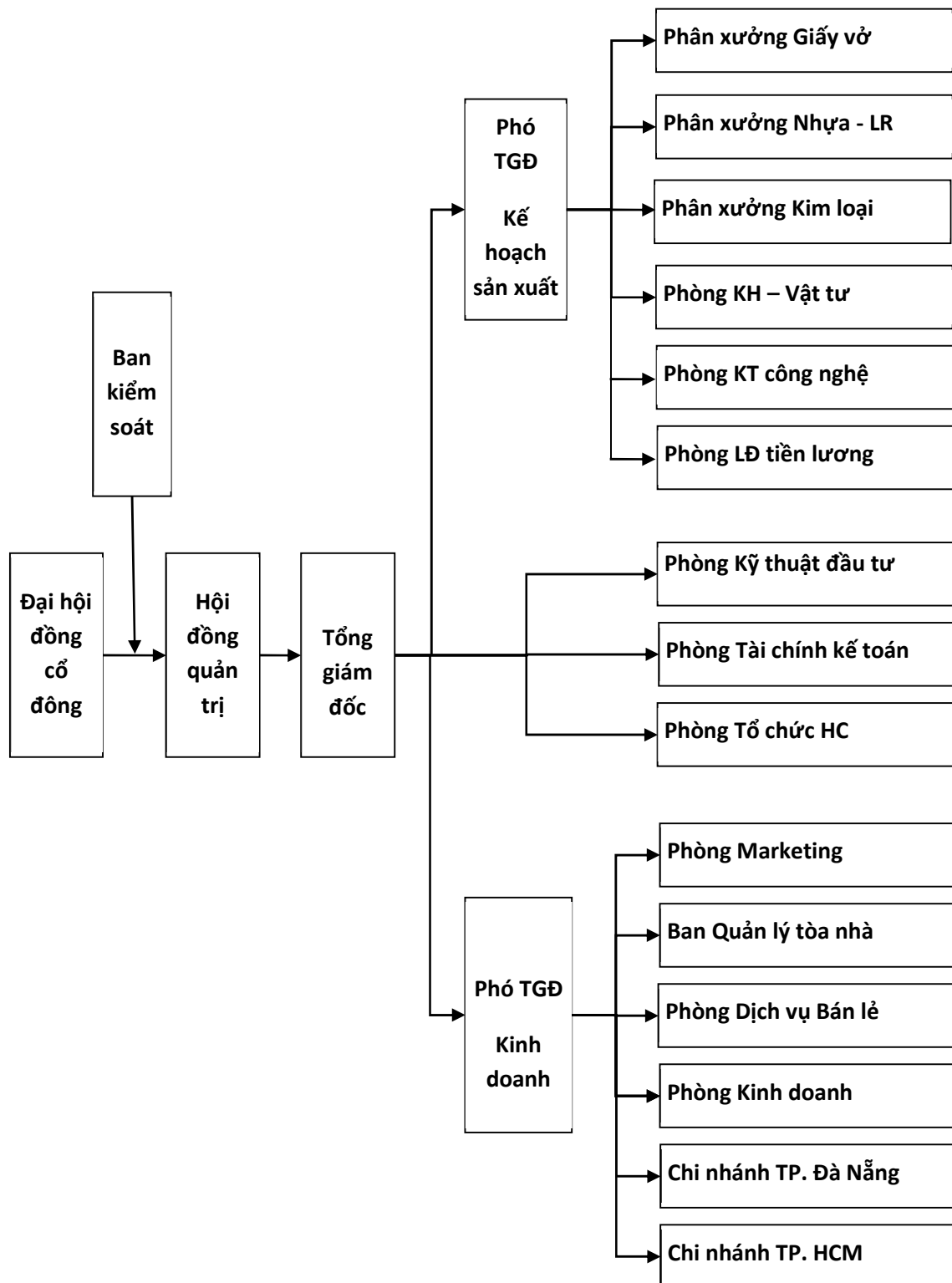
Tên địa điểm kinh doanh**Địa chỉ**

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 2 Số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 3 Ki ốt 14-15-16-17 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 4 Tầng 1 - TTTM Vincom Center Long Biên, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 5 260 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu Bộ máy quản lý

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (có hiệu lực từ 01/07/2015) của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Sơ đồ Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại thời điểm 31/12/2017



- **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã được kiểm toán và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

- **Ban kiểm soát:**

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát (BKS) có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Ban kiểm soát là cơ quan giúp các cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2017, Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Ông Nông Văn Quyết - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Tạ Quốc Bình - Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Bùi Thị Thủy - Thành viên Ban kiểm soát

- **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị (HĐQT) có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc (TGD) và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Tại thời điểm 31/12/2017, HĐQT Công ty bao gồm:

1. Ông Võ Sỹ Dũng - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Bùi Kỳ Phát - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Trương Quang Luyến - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4. Bà Đào Mai Hạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
5. Ông Nguyễn Hưng - Thành viên
6. Ông Bùi Quốc Giang - Thành viên
7. Ông Phan Hưng - Thành viên

- **Tổng giám đốc:**

Tổng giám đốc là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- **Phó Tổng giám đốc:**

Các Phó Tổng giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc và điều hành hoạt động tại các lĩnh vực trong Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Đến 31/12/2017, Công ty có 02 Phó Tổng giám đốc phụ trách các mảng kế hoạch sản xuất và kinh doanh.

- **Ban điều hành:**

Ban điều hành (BDH) là cơ quan điều hành mọi hoạt động SXKD cũng như các hoạt động hàng ngày khác của Công ty. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành Công ty gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu năm 2017:
 - Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ thoả mãn nhu cầu và hàm chứa yếu tố trách nhiệm xã hội, thân thiện với môi trường.
 - Không ngừng đầu tư phát triển thương hiệu “Hồng Hà” gắn liền với đổi mới giáo dục, gắn với việc học tập và vì sức khoẻ học đường. Không ngừng đầu tư nghiên cứu thị trường văn phòng phẩm, phát triển các sản phẩm văn phòng phẩm phục vụ khối tổ chức, doanh nghiệp.
 - Tôn trọng và tạo cơ hội phát triển cho mọi thành viên trong Công ty, đồng thời nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy tổ chức và nhân sự sao cho hiệu quả nhất.
 - Coi các nhà cung cấp nguyên vật liệu, bán thành phẩm, công ty vệ tinh, nhà phân phối, các đối tác đầu tư dự án ... là đối tác chiến lược của Công ty.
 - Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Hoàn thiện tài liệu chuyển đổi sang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 từ tháng 3/2018
 - Kế hoạch SXKD năm 2017:
 - + Doanh thu : 570 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế : 35 tỷ đồng
 - Áp dụng hệ thống quản lý phần mềm ERP và phần mềm quản lý bán hàng.
 - Ổn định chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố, tạo uy tín và sự phát triển bền vững cho Công ty.
 - Ổn định tổ chức phát triển thị trường, tăng độ bao phủ hàng hoá tại hai thị trường miền Trung và miền Nam.
- Các chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập. Không ngừng đa dạng hoá ngành hàng, đa phương hoá nguồn hàng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.
 - Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".
 - Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô và kinh tế ngành

- Việt Nam đã hoàn tất quá trình đàm phán và đang trong quá trình thực hiện một loạt các hiệp định thương mại tự do (AEC, AVFTA), đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và với Công ty nói riêng. Trong đó, phải kể đến 2 xu hướng sẽ có tác động lớn tới mục tiêu phát triển của công ty gồm:
 - Các doanh nghiệp FDI sẽ gia nhập ngành hàng văn phòng phẩm và cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp cùng ngành hiện tại, trong đó có Hồng Hà tại thị trường Việt Nam.

- Các sản phẩm văn phòng phẩm nhập ngoại sẽ xuất hiện nhiều hơn tại thị trường Việt Nam và sức cạnh tranh ngày càng tốt hơn do được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do.
- Khi thị phần, doanh thu, lợi nhuận bị ảnh hưởng thì các đối thủ cùng ngành hàng sẽ ngày càng tăng cường nguồn lực để tạo lợi thế trong cạnh tranh. Việc này sẽ khiến cho cuộc chiến trong ngành văn phòng phẩm tại thị trường Việt Nam ngày càng khốc liệt trên các khía cạnh như công nghệ, bán hàng, marketing ...

5.2. Rủi ro về luật pháp

- Việt Nam đã chính thức là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới và đang từng bước cải tổ hành lang pháp lý để phù hợp với thông lệ quốc tế. Nhưng do thời gian hoàn chỉnh, hướng dẫn thực hiện các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp. Là một Công ty Cổ phần nên Hồng Hà một mặt chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, mặt khác còn phải tuân thủ đầy đủ các văn bản có liên quan của Hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam như: các Luật thuế, Luật lao động ... Vì vậy, những biến động về pháp luật sẽ đều tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- Nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn cập nhật thường xuyên các chính sách có liên quan để chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động Công ty. Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, theo sát, thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương Nhà nước, nắm bắt kịp thời các quy định mới của pháp luật, để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển SXKD dài hạn và phù hợp cho từng thời kỳ.

5.3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

- Hồng Hà phải mua nguyên vật liệu như giấy, bìa, nhựa, mực ... Các nguyên liệu này chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm (khoảng 78%-81%) nên sự biến động giá các nguyên liệu này sẽ có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Công ty. Đặc biệt, từ cuối năm 2017, giá giấy liên tục có sự điều chỉnh tăng giá và vẫn chưa có dấu hiệu ổn định trong năm 2018. Bên cạnh việc điều chỉnh tăng giá thì việc khan hiếm nguồn cung giấy cũng là một rủi ro lớn đối với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã chọn giải pháp ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu đầu vào lâu dài với các nhà cung cấp lớn nhằm mục đích có được nguồn nguyên liệu ổn định và giá cả hợp lý. Mặt khác Công ty luôn theo dõi sát sao các biến động giá cả trên thị trường để có những quyết định điều chỉnh kịp thời, tính toán kỹ lưỡng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ để có lượng nguyên vật liệu dự trữ hợp lý đáp ứng nhu cầu SXKD.

b. Rủi ro cạnh tranh trong cùng ngành

- Trên thị trường Việt Nam, ngoài Công ty Hồng Hà, hiện có một số công ty sản xuất và cung cấp văn phòng phẩm, đồ dùng học tập lớn là Công ty Cổ phần tập đoàn Thiên Long, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Bến Nghé, Công ty Cổ phần giấy Hải Tiến, Công

ty cổ phần Vĩnh Tiến, ... Bên cạnh đó còn rất nhiều các doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ khác cung cấp đồ dùng văn phòng phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nhập khẩu theo đường tiểu ngạch của Trung Quốc. Hơn nữa, trong thời gian gần đây, các Công ty văn phòng phẩm nổi tiếng thế giới của Nhật Bản, Pháp, Đức, Thái Lan, Trung Quốc ... cũng đã và đang xây dựng thương hiệu của mình trên thị trường Việt Nam như: Plus, Kokuyo, Maped, Deli ... Thế mạnh vượt trội của Hồng Hà là Doanh nghiệp có gần 60 năm xây dựng và phát triển, am hiểu thị trường và người tiêu dùng Việt. Hồng Hà đã xây dựng được một mạng lưới phân phối sản phẩm sâu và rộng trên khắp cả nước với gần 100 Nhà phân phối và trên 10.000 điểm bán lẻ, đặc biệt là khu vực phía Bắc. Bên cạnh đó, để tăng cường lợi thế cạnh tranh của mình, Hồng Hà không ngừng cải tiến mẫu mã, đầu tư công nghệ mới, tiên tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng, thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Công ty cũng chú trọng đầu tư cho công tác xây dựng và phát triển thương hiệu. Các thương hiệu sản phẩm giấy vở, dụng cụ học sinh, bút các loại,... đã được thị trường đánh giá cao, tạo được lòng tin trong tâm trí người tiêu dùng.

c. Rủi ro từ yếu tố công nghệ:

- Yếu tố công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quản trị sản xuất của Công ty. Công nghệ mới góp phần không nhỏ trong việc tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Trong những năm gần đây, với sự tham gia thị trường của một số doanh nghiệp cùng ngành với vốn đầu tư ban đầu lớn, cộng thêm ưu thế về công nghệ đã làm nóng thị trường văn phòng phẩm, đồ dùng học sinh trong nước vốn đã cạnh tranh rất gay gắt. Thực tế này đặt ra cho Hồng Hà bài toán về cải tiến công nghệ cũ và áp dụng công nghệ mới trong sản xuất nhằm tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

5.4. Rủi ro về tài chính

a. Rủi ro về tỷ giá

- Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu mua trong nước và sản phẩm lại chủ yếu bán cho người tiêu dùng Việt Nam nên trong quá trình hoạt động SXKD không phát sinh nhiều ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi trong việc điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá USD/VND và EUR/VND liên tục biến động đã không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty.

b. Rủi ro về lãi suất

- Mặc dù đã có sự tăng trưởng trong năm 2017 nhưng chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam không cao và vẫn chưa hoàn toàn hồi phục so với thời kì trước khủng hoảng kinh tế.
- Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty cần sử dụng vốn vay để đáp ứng yêu cầu SXKD. Năm 2017, lãi suất đi vay có xu hướng cao hơn những năm trước. Mặc dù vậy, Công ty luôn tận dụng tối đa dòng tiền từ hoạt động SXKD của Công ty nên rủi ro lãi suất trong năm 2017 là không nhiều. Tuy nhiên, do lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào chính sách lãi suất của Nhà nước nên việc quản trị tốt các rủi ro về lãi suất luôn là một trong những chính sách tài chính quan trọng của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động SXKD

Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Th/hiện năm 2016	So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH2017/TH2016	TH/KH 2017
1	2	3	4	5	6	7 = 5/6	8 = 5/4
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	570.000	595.878	553.717	107,61%	104,54%
2	Giảm trừ CK giảm giá	Tr.đ	22.800	23.393	21.840	107,11%	102,60%
3	DT sau giảm trừ CK giảm giá	Tr.đ	547.200	572.485	531.877	107,63%	104,62%
4	Hàng trả lại	Tr.đ		12.358	1.578	783,14%	
5	Tổng chi phí	Tr.đ	512.200	525.012	495.600	105,93%	102,50%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	35.000	35.115	34.699	101,20%	100,33%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	27.500	27.889	27.165	102,67%	101,41%
8	Tỷ suất LNST/DT	%	4,82%	4,68%	4,91%	95,40%	97,01%
9	Tỷ suất LNST/VĐL	%	46,64%	47,30%	46,07%	102,67%	101,41%
10	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	3.700	3.784	3.536	107,01%	102,27%
11	Lao động BQ (người/tháng)	Người	420	430	436	98,62%	102,38%
12	Thu nhập BQ (tr/người/tháng)	1000đ	9.000	8.850	8.031	110,20%	98,33%
13	Cổ tức	%	30%	20%	30%	66,67%	66,67%

Ghi chú: Tr.đ: Triệu đồng; CK: Chiết khấu; LNST: Lợi nhuận sau thuế; DT: Doanh thu; VDL: Vốn điều lệ; BQ: Bình quân;

Năm 2017, Công ty ghi nhận tăng trưởng tốt cả doanh thu và lợi nhuận so với năm 2016. Tổng doanh thu năm 2017 tăng 7,61 % so với cùng kỳ năm 2016, và tăng 4,54% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Đến thời điểm 31/12/2017, Ban điều hành Công ty gồm 04 thành viên. Cụ thể:

- Ông Trương Quang Luyến - Tổng giám đốc
 - + Sinh năm: 1977
 - + Nguyên quán: Yên Bình - Yên Bái
 - + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 - + Quá trình công tác:
 - Là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 05/2008;
 - Là Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 12/2012;
 - Là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty từ tháng 07/2014;
 - Là Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty từ ngày 14/11/2016 đến nay.
 - + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2017): 21.515 cổ phần
- Bà Đào Mai Hạnh - Phó Tổng giám đốc Kế hoạch sản xuất
 - + Sinh năm: 1963
 - + Nguyên quán: Vũ Thư - Thái Bình

- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - Là Quản đốc Phân xưởng Giấy vờ Công ty từ năm 2002;
 - Là TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 01/2006 đến nay.
- + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2017): 0 cổ phần
- Ông Hoàng Mạnh Ánh - Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
 - + Sinh năm: 1976
 - + Nguyên quán: Ninh Bình
 - + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược marketing.
 - + Quá trình công tác:
 - Là Trưởng phòng Kinh doanh từ tháng 05/2009;
 - Là Phó Tổng giám đốc Kinh doanh từ 01/07/2014 đến nay.
 - + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2017): 0 cổ phần
- Ông Nguyễn Quang Vũ- Kế toán trưởng
 - + Sinh năm: 1980
 - + Nguyên quán: Hưng Yên
 - + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - + Quá trình công tác:
 - Là Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty từ tháng 04/2010 đến 31/12/2014
 - Là Kế toán trưởng Công ty từ tháng 01/2015 đến nay
 - + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2016): 0 cổ phần

Nhân sự Ban điều hành Công ty không thay đổi trong suốt năm 2017.

2.2. Lực lượng lao động và chính sách nhân sự

- Thời điểm 31/12/2017, Công ty có 434 lao động, trong đó lao động nữ chiếm trên 45%. Lao động thường xuyên có trình độ trên đại học chiếm 1,38%; trình độ đại học chiếm 29,72%; trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 57,37%; lao động phổ thông chiếm 8,76%, còn lại là lao động mùa vụ và thử việc.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động. Công tác tiền lương được triển khai đúng tiến độ và quy định của Nhà nước và Công ty. Thu nhập bình quân năm 2017 đạt 8,85 triệu đồng/người/tháng, tăng 10% so với năm 2016.
- Công tác đào tạo cũng được triển khai theo kế hoạch.

3. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCB và thực hiện các dự án

3.1. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCB

Về Kỹ thuật công nghệ:

- Năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư và hoàn thiện công nghệ sản xuất cho các thiết bị mới như máy làm tập vờ học sinh tự động, máy đếm giấy, máy làm bìa số 3 mảnh, máy ép nhựa 180 tấn, máy bơm mực bút bi/gel, máy gia công túi myclear/túi hồ ...
- Bổ sung và xây dựng mới các quy trình công nghệ cho thiết bị mới và xưởng giấy vờ sau mở rộng.

- Nâng cao quy trình KCS giúp giảm tỷ lệ hàng hỏng, lỗi.
- Liên tục rà soát và áp dụng định mức vật tư mới giúp giảm tỷ lệ tiêu hao vật tư.

Về Kỹ thuật đầu tư:

- Với mục tiêu mở rộng ngành hàng, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm, năm 2017, tổng tài sản đầu tư tăng thêm của Công ty là 24,3 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2017, tổng dự kiến đầu tư còn chưa thực hiện được trong năm 2017 và chuyển sang đầu tư tiếp trong năm 2018 là 9,2 tỷ đồng.
- Đầu năm 2017, Công ty cũng đã hoàn thiện việc cải tạo nhà xưởng sản xuất cho phân xưởng giấy vớ với diện tích 4.200 m². Ngoài ra, phần mềm quản lý bán hàng được triển khai cho các đại lý tại Miền Bắc, Hà Nội đã bắt đầu phát huy hiệu quả trong công tác quản trị bán hàng trong hệ thống phân phối của Công ty.
- Cùng với hoạt động đầu tư, Công ty cũng đã thực hiện thanh lý một số thiết bị cũ, hỏng không còn phù hợp với mô hình sản xuất mới.

3.2. Kết quả triển khai các dự án

Dự án 25 Lý Thường Kiệt:

Tính đến 31/12/2017, dự án đã cho thuê được 96% diện tích. Bên cạnh đó, các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ tại toà nhà cũng được chú trọng triển khai nhằm đáp ứng lượng khách thuê tăng và nâng cao hình ảnh chung của dự án.

Dự án 94 Lò Đúc:

Trong năm 2017, dự án 94 Lò Đúc vẫn chưa được triển khai. Công ty hiện đang thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/08/2017 về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án này. .

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	%
Tổng giá trị tài sản	đồng	438.701.220.669	469.046.217.355	93.53%
Doanh thu (chưa trừ CK giảm giá)	đồng	595.878.166.220	553.716.704.407	107.61%
Doanh thu (đã trừ CK giảm giá)	đồng	572.485.276.950	531.876.976.736	107.63%
Lợi nhuận thuần	đồng	34.607.157.001	34.804.540.421	99.43%
Lợi nhuận khác	đồng	508.131.401	-105.369.896	-482.24%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	35.115.288.402	34.699.170.525	101.20%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	27.889.376.511	27.164.886.473	102.67%
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	20	30	66.67%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
- Khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,59	1,38
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,35	0,35
- Cơ cấu vốn		
+ Nợ / Tổng tài sản	0,69	0,72
+ Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,19	2,52
- Năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,52	2,24
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,28	1,13
- Khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	0,06	0,07
+ Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu	0,26	0,26
+ Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	0,08	0,07

Về cơ bản, tình hình tài chính năm 2017 của Công ty là tương đối tốt. Các chỉ tiêu tài chính liên quan đến thanh toán cũng như năng lực hoạt động đều có tăng trưởng. Cơ cấu nợ được Công ty giữ ở mức ổn định phù hợp với điều kiện SXKD thực tế của Công ty. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời luôn ở mức ổn định.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Vốn điều lệ: 58.961.000.000 đồng
- Số cổ phần: 5.896.100 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 5.896.100 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Diễn giải	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
Phân chia theo tỷ lệ sở hữu				
1	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	6	5.682.121	96,37%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5%	87	213.979	3,63%
Phân chia theo tổ chức, cá nhân				
1	Cổ đông tổ chức	1	10	0,0002%
2	Cổ đông cá nhân	92	5.896.090	99,9998%
Phân chia theo lãnh thổ				
1	Cổ đông trong nước	92	5.894.900	99,98%
2	Cổ đông nước ngoài	1	1.200	0,02%
Phân chia theo vốn				
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	93	5.896.100	100,00%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V129/2018-HHA/VSD-ĐK ngày 02/03/2018 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ khi thành lập tới thời điểm 31/12/2015, Công ty đã có 4 lần phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Đợt 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

1. Số lượng cổ phần phát hành: 286.000 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
2. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 2.860.000.000 đồng
3. Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10%
4. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 28.600.000.000 đồng
5. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.460.000.000 đồng

Đợt 2: Phát hành cổ phiếu ra công chúng

1. Số lượng cổ phần phát hành: 1.573.000 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 15.730.000.000 đồng
4. Hình thức phát hành: chào bán 1.573.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu
5. Giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phần
6. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 31.460.000.000 đồng
7. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 47.190.000.000 đồng

Đợt 3: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1. Số lượng cổ phần phát hành: 943.800 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 9.438.000.000 đồng
4. Hình thức phát hành: chào bán 943.800 cổ phần cho cổ đông hiện hữu
5. Giá phát hành: 12.000 đồng/ cổ phần
6. Tổng giá trị chào bán: 11.325.600.000 đồng
7. Tỷ lệ phát hành: 5:1 (cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách hưởng quyền sẽ được thưởng quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm)

8. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành cho mỗi cổ đông sẽ được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ do HĐQT quyết định phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn 12.000 đồng/ cổ phiếu.

9. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 47.190.000.000 đồng
10. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 56.628.000.000 đồng

Đợt 4: Chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động

1. Số lượng cổ phần phát hành:	233.300 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng
3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:	2.333.000.000 đồng
4. Hình thức phát hành: chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	
5. Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phần
6. Tổng giá trị chào bán:	2.333.000.000 đồng.
7. Vốn điều lệ trước khi phát hành:	56.628.000.000 đồng.
8. Vốn điều lệ sau khi phát hành:	58.961.000.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2017

a) Thuận lợi

- Tình hình kinh tế chung:
 - Về kinh tế vĩ mô: năm 2017 kinh tế Việt Nam hồi phục tốt và đạt mức tăng trưởng 6,8%. Lạm phát được duy trì ở mức 1,8%. Đây là dấu hiệu cho thấy sự ổn định của kinh tế vĩ mô. Dự kiến 2018, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng ổn định.
 - Lãi suất ngân hàng có xu hướng tăng so với vài năm trở lại đây.
- Tình hình Công ty:
 - Công ty đang từng bước thực hiện tái cơ cấu về chiến lược, nhân sự và thiết bị nhằm tạo sự bứt phá trong thời gian tới.
 - Thương hiệu Hồng Hà không ngừng được đầu tư các nguồn lực để giữ vững uy tín trong lòng người tiêu dùng.
 - Hệ thống phân phối ổn định và ngày càng chuyên nghiệp.
 - Nhận được sự đầu tư và hỗ trợ từ các cổ đông chiến lược, giúp hoạt động Công ty được ổn định và thêm nguồn lực cho phát triển.

b) Khó khăn

- Giá nguyên liệu: cuối năm 2017 giá giấy tăng cao. Dự kiến năm 2018 giá giấy tiếp tục tăng và có thể xuất hiện sự thiếu hụt nguồn cung.
- Chi phí sản xuất kinh doanh: năm 2017 hàng loạt các loại chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh đều tăng như giá xăng dầu, giá kim loại, giá điện, tiền lương, bảo hiểm ...
- Sự cạnh tranh từ các thương hiệu nước ngoài: các thương hiệu văn phòng phẩm nước ngoài đang tích cực mở rộng thị trường trong đó Việt Nam được xem là thị trường tiềm năng. Dự kiến 2018, các hãng văn phòng phẩm từ Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật, Châu Âu sẽ tiếp tục chiến lược xâm nhập và mở rộng kinh doanh tại Việt Nam.
- Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nội địa: sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nội địa ngày càng lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp mới gia nhập ngành (các doanh nghiệp mới gia nhập ngành đang triển khai các biện pháp cạnh tranh bằng giá nhằm mục tiêu tăng độ phủ. Việc các hãng giảm giá sâu liên tục trong năm 2017 và các năm trước đó khiến hệ thống

phân phối bị nhiễu và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Đặc biệt với khu vực Miền Nam và Miền Trung)

- Nhân sự còn yếu và thiếu, tính ổn định không cao làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

c) Tình hình hoạt động SXKD năm 2017

Về hoạt động kế hoạch sản xuất

Năm 2017, các thiết bị đầu tư trong năm 2015, 2016 đã chạy ổn định, kết hợp với việc tiếp tục đẩy sớm kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nên năm 2017 hầu như không còn tình trạng thiếu hàng. Tuy nhiên, do lượng tồn từ cuối năm 2016 vẫn còn nhiều nên Công ty cân đối lại kế hoạch tồn kho và giảm sản lượng gia công hàng xuất khẩu, dẫn đến sản lượng sản xuất các ngành hàng bút, vở có giảm so với năm 2016. Mặc dù sản lượng sản xuất giảm, nhưng lượng tiêu thụ năm 2017 vẫn tăng.

Cùng với việc tăng sản lượng xuất bán, lượng tồn kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm cũng được dự phòng và kiểm soát tốt.

Về hoạt động kinh doanh – marketing

Công tác bán hàng năm 2017 được đánh giá là nhiều khó khăn do phân khúc khách hàng mục tiêu và dải sản phẩm của Công ty quá rộng vì vậy trong quá trình triển khai thị trường, chúng ta phải đối đầu với rất nhiều đối thủ. Các đối thủ đều tăng ngân sách cho khuyến mại và phát triển điểm bán nên áp lực cạnh tranh đối với Công ty ngày càng lớn. Trong hệ thống phân phối, các nhà phân phối đều làm đại lý cho nhiều hãng khác nhau nên bị phân tán về nguồn lực và hạn chế tồn kho hàng của Công ty.

Trước những khó khăn đó, việc phối hợp triển khai tốt giữa các bộ phận kế hoạch, thị trường và marketing đã giúp doanh thu các khu vực thị trường cũng như tổng doanh thu vẫn có sự tăng trưởng so với năm 2016, đặc biệt, khu vực miền Trung, miền Nam đều có mức có sự tăng trưởng cao (trên 22%), khu vực thị trường miền Bắc tăng 12,7%, bán lẻ tăng ~7%.

Năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược marketing về tái cấu trúc khách hàng và sản phẩm nhằm đáp ứng ngày càng chuyên sâu hơn cho nhóm khách hàng mục tiêu và phù hợp với định hướng của ngành giáo dục cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty. Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông và sự kiện, hoạt động R&D, hoạt động xúc tiến bán hàng hướng tới hệ thống phân phối cấp 1, cấp 2 và người tiêu dùng trực tiếp cũng được đẩy mạnh.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng cân đối kế toán (tóm tắt) thời điểm 31/12/2017

DVT: đồng

TT	Nội dung	31/12/2017	01/01/2017	Chênh lệch	%
I	Tài sản ngắn hạn	187.014.430.181	221.440.333.768	-34.425.903.587	84,45%
II	Tài sản dài hạn	251.686.790.488	247.605.883.587	4.080.906.901	101,65%

TT	Nội dung	31/12/2017	01/01/2017	Chênh lệch	%
	Tổng tài sản	438.701.220.669	469.046.217.355	-30.344.996.686	93,53%
III	Nợ phải trả	301.391.084.680	335.622.424.906	-34.231.340.226	89,80%
IV	Vốn chủ sở hữu	137.310.135.989	133.423.792.449	3.886.343.540	102,91%
	<i>Trong đó:- Vốn điều lệ</i>	<i>58.961.000.000</i>	<i>58.961.000.000</i>	<i>-</i>	<i>100,00%</i>
	Tổng nguồn vốn	438.701.220.669	469.046.217.355	-30.344.996.686	93,53%

Chỉ tiêu Tổng tài sản (Tổng nguồn vốn) trên Bảng cân đối kế toán thời điểm 31/12/2017 giảm so với đầu năm chủ yếu là do hàng tồn kho giảm, các khoản nợ ngắn hạn giảm, đặc biệt là dư nợ Ngân hàng giảm.

b) Tình hình nợ phải trả

Chi tiết Nợ phải trả tại Bảng cân đối kế toán thời điểm 31/12/2017

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017	Chênh lệch	%
C. Nợ phải trả	301.389	335.622	-34.233	89,80%
I. Nợ ngắn hạn	117.462	160.712	-43.250	73,09%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	40.364	41.495	-1.131	97,27%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	598	419	179	142,72%
3. Thuế & các khoản phải nộp NN	49	1.287	-1.238	3,81%
4. Phải trả người lao động	15.243	12.929	2.314	117,90%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.415	11.924	-7.509	37,03%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.866	1.276	2.590	302,98%
7. Phải trả ngắn hạn khác	6.779	9.295	-2.516	72,93%
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	38.289	75.781	-37.492	50,53%
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.859	6.306	1.553	124,63%
II. Nợ dài hạn	183.927	174.911	9.016	105,15%
1. Chi phí phải trả dài hạn	47.415	48.187	-772	98,40%
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	76.127	68.415	7.712	111,27%
3. Phải trả dài hạn khác	60.385	58.309	2.076	103,56%

Trong nhóm nợ phải trả, tổng nợ phải trả ngắn hạn giảm còn 73,09% so với thời điểm cuối năm 2016. Nợ phải trả ngắn hạn giảm chủ yếu ở các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm, do năm 2017, Công ty kiểm soát tốt hơn dòng tiền trong SXKD nên tổng dư nợ vay bổ sung vốn lưu động cuối năm giảm. Nợ dài hạn tăng nhẹ, chủ yếu từ việc hạch toán doanh thu chưa thực hiện dài hạn tăng.

3. Kế hoạch năm 2018

3.1. Một số chỉ tiêu tài chính dự kiến năm 2018

T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Kế hoạch 2018	SS với TH 17 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	2	3	4	5	6	(7)=6/5
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	58.961	58.961	58.961	100,00%
2	Tổng doanh thu (chưa trừ CK giảm giá)	Tr.đ	570.000	595.878	661.000	110,93%
3	Tổng doanh thu (đã trừ CK giảm giá)	Tr.đ	547.200	572.485	634.500	110,83%
4	LN SXKD trước thuế	Tr.đ	35.000	35.115	38.500	109,64%

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Kế hoạch 2018	SS với TH 17 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	2	3	4	5	6	(7)=6/5
5	Lao động BQ (người/tháng)	Người	420	430	450	104,65%
6	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	9.000	8.850	9.600	108,47%
7	Cô tức	%	30%	20%	10%	50,00%

3.2. Các biện pháp thực hiện

a) Công tác tổ chức nhân sự - tiền lương:

- Công tác tuyển dụng và đào tạo được thực hiện ngay từ đầu năm nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự của các phòng ban. Bên cạnh đó, ưu tiên phương án luân chuyển nhân sự giữa các bộ phận nhằm tránh tăng quy mô lao động.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu của từng đơn vị, đáp ứng được mục tiêu của Công ty. Đặc biệt chú trọng tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật vận hành các thiết bị mới đầu tư.
- Tiếp tục tuyển dụng thêm cán bộ quản lý cấp trung nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và tăng cường khả năng thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Liên tục rà soát đơn giá tiền lương, xây dựng lại quy chế tính lương để nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, tạo điều kiện cho việc tuyển dụng lao động mới cũng như đảm bảo giữ chân những lao động cũ, đặc biệt là ở các vị trí đòi hỏi chuyên môn cao.
- Xây dựng quy chế thưởng phạt nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc, tránh lãng phí.

b) Đầu tư - Kỹ thuật:

- Năm 2018, công tác đầu tư tiếp tục được triển khai nhằm hoàn thiện các hạng mục đã được HĐQT phê duyệt năm 2017. Đồng thời, Công ty sẽ tiến hành đầu tư dài hạn, đặc biệt là đầu tư phát triển ngành hàng bút và văn phòng phẩm.
- Tăng cường công tác quản trị chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng bao bì sản phẩm.
- Rà soát chặt chẽ định mức vật tư tránh lãng phí, giảm giá thành sản phẩm. Phân đấu đưa năng suất lao động tăng 10% so với năm 2017.

c) Công tác tài chính:

- Đảm bảo quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo cung cấp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo thanh toán đủ, đúng hạn các khoản lương, thưởng cho người lao động.
- Hoàn thiện áp dụng Hóa đơn điện tử trên toàn Công ty, đến tận các cửa hàng bán lẻ, tăng tính minh bạch và nâng cao chất lượng quản lý bán hàng của Công ty.
- Hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính và một số quy trình quản trị tài chính trong Công ty.

d) Kế hoạch - Thị trường:

Về công tác kế hoạch:

- Tiếp tục quy hoạch và mở rộng kho vật tư, hàng hóa.

- Tìm kiếm thêm nhà cung cấp để có được sự cạnh tranh về giá, chất lượng, tiến độ cung cấp vật tư, hàng hóa.
- Đẩy mạnh kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nhằm nâng cao khả năng chủ động ứng phó với thị trường trong tháng vụ.

Về công tác thị trường, marketing:

- Triển khai các ứng dụng công nghệ trong chiến lược thương hiệu mới.
- Xác định và tập trung đầu tư cho 2 động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2017-2020 là hoạt động phát triển kênh phân phối và hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).
- Công ty sẽ đầu tư xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới đáp ứng mục tiêu hướng tới sự chuyên nghiệp và thân thiện với khách hàng.
- Công ty bắt đầu công tác truyền thông hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập Công ty.
- Từng bước xây dựng hệ thống thương mại điện tử.
- Tiếp tục hoàn thiện việc quản lý điểm bán bằng phần mềm trên quy mô khu vực miền bắc.

e. Dự án 94 Lò Đúc và 25 Lý Thường Kiệt

Về dự án 25 Lý Thường Kiệt:

- Hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt.
- Nâng cao công tác chăm sóc khách hàng hiện tại thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Triển khai bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các hạng mục thiết bị, xây dựng cơ bản của tòa nhà.

Về dự án 94 Lò Đúc:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/08/2017 về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án này.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

a) Đặc điểm tình hình chung năm 2017

Năm 2017, kinh tế thế giới có nhiều dấu hiệu tích cực khi hầu hết các nền kinh tế lớn đều có sự hồi phục và tăng trưởng. Kinh tế Việt Nam cũng ghi nhận một năm tăng trưởng cao với mức tăng 6,8%. Đây là những dấu hiệu tích cực đối với nền kinh tế nói chung và thị trường tiêu dùng nói riêng.

Trong nội tại Công ty, bên cạnh những thuận lợi như thương hiệu Hồng Hà vẫn giữ được uy tín trong lòng người tiêu dùng; công trình 25 Lý Thường Kiệt đưa vào khai thác từ giữa năm 2013 đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty; sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược; sự đoàn kết nhất trí từ HĐQT đến Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty..., trong năm qua, Công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn. Khó khăn chủ yếu phải kể đến là tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường tới từ những doanh nghiệp cùng ngành trong nước và nguy cơ gia nhập thị trường của các thương hiệu nước ngoài đặc biệt các thương hiệu đến từ Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan. Tình

trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu vẫn tràn lan trên thị trường làm ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty.

b) Kết quả hoạt động SXKD 5 năm gần đây

Các chỉ tiêu cơ bản giai đoạn 2013-2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	58.961	58.961	58.961	58.961	58.961
2	Doanh thu	Tr.đồng	494.078	698.680	520.115	553.717	595.878
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	19.500	107.751	55.494	34.699	35.115
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	12.198	83.937	43.209	27.165	27.889
5	Cổ tức	%VĐL	16%	20%	25%	30%	20%
6	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	2.069	13.951	6.082	3.686	3.784
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	Ng.đồng	5.243	5.653	7.013	8.031	8.850

Số liệu trong chỉ tiêu "Doanh thu" của các năm 2013-2014 là số liệu đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của các năm sau. Từ năm 2015, Công ty thực hiện hạch toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015).

Như vậy, trong giai đoạn 5 năm từ 2013 đến 2017, doanh thu từ SXKD của Công ty đã tăng trung bình ở mức 5% một năm, trong khi lợi nhuận từ SXKD tăng trung bình ở mức trên 10% một năm. Đây là mức tăng doanh thu, lợi nhuận tương đối khả quan của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế chung có nhiều biến động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty gồm có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Ban điều hành Công ty được HĐQT bổ nhiệm theo đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty và năng lực của cá nhân. Thành viên Ban điều hành Công ty đều là những người đã gắn bó lâu năm với Công ty, có hiểu biết về hoạt động SXKD của Công ty và có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao phó.

Năm 2017, Ban điều hành Công ty đã tham mưu cho HĐQT trong tất cả các mặt liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, góp phần quan trọng để hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018, mặc dù kinh tế vĩ mô được dự đoán tiếp tục có những biến chuyển tích cực, song tình hình cạnh tranh riêng trên thị trường vẫn phòng phảm, giấy vở sẽ ngày càng khốc liệt. Công ty đứng trước thách thức phải đổi mới để giữ vững và phát triển thương hiệu Hồng Hà 60 năm. Trong tình hình này, HĐQT sẽ phải tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Định hướng của HĐQT sẽ tập trung vào một số mặt sau:

3.1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu kế hoạch năm 2018: 661 tỷ đồng
(chưa trừ CK giảm giá)
- Doanh thu kế hoạch năm 2018: 634,5 tỷ đồng
(đã trừ CK giảm giá)
- Lợi nhuận kế hoạch năm 2018: 38,5 tỷ đồng
- Lương trung bình dự kiến năm 2018: 9,6 triệu đồng/người/tháng
- Dự kiến cổ tức 2018: 10% vốn điều lệ

3.2. Về triển khai các dự án

Về dự án 25 Lý Thường Kiệt:

Theo dõi và chỉ đạo sát sao việc hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt. Ban Tổng giám đốc phải có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cung cấp tại tòa nhà đồng thời có biện pháp để duy trì khách thuê tại tòa nhà.

Về dự án 94 Lò Đúc:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ bắt thường ngày 05/08/2017 về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Công ty tại dự án này.

3.3. Phương hướng SXKD của Công ty giai đoạn 2016-2020

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TT 2016	TT 2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu	553.717	595.878	661.000	750.000	900.000
2	LN từ SXKD	34.699	35.115	38.500	43.000	60.000
3	Vốn điều lệ	58.961	58.961	58.961	80.000	100.000
4	Cổ tức	30%	20%	10%	20%	20%
5	Tỷ suất LN/DT	6,27%	5,89%	5,54%	5,73%	6,67%

Như vậy, mục tiêu đến hết năm 2020, doanh thu của Công ty sẽ chạm mốc 900 tỷ đồng, lợi nhuận chạm mốc 60 tỷ đồng. Cùng với việc tăng doanh thu và lợi nhuận, Công ty sẽ có lộ trình tăng vốn điều lệ tương ứng để giảm bớt sức ép về chi phí và tăng tốc độ quay vòng vốn từ đó tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

HĐQT Công ty nhất quán với chủ trương:

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư, đặc biệt là đầu tư cho ngành hàng bút và văn phòng phẩm, coi đây là giải pháp cốt lõi để thực hiện mục tiêu của Công ty.
- Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".
- Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách Hội đồng quản trị (đến thời điểm lập báo cáo này)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Loại thành viên	Số cổ phần HHA sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Sỹ Dũng	Chủ tịch HĐQT	TV độc lập	0	0%
2	Bùi Kỳ Phát	Phó CT HĐQT	TV độc lập	0	0%
3	Trương Quang Luyện	TV HĐQT		21.515	0,36%
4	Đào Mai Hạnh	TV HĐQT		0	0%
5	Nguyễn Hưng	TV HĐQT	TV độc lập	0	0%
6	Bùi Quốc Giang	TV HĐQT	TV độc lập	0	0%
7	Phan Hưng	TV HĐQT	TV độc lập	0	0%
Tổng cộng				21.515	0,36%

1.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2017

- Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành 10 cuộc họp định kỳ/mở rộng. Các thành viên HĐQT đều trực tiếp tham dự đầy đủ các cuộc họp này. Các trường hợp vắng mặt (nếu có) đều có lý do khách quan và được HĐQT chấp thuận.
- Năm 2017, HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết và 6 Quyết định để thông qua và quyết định các vấn đề như: Thông qua Kế hoạch cũng như tình hình SXKD hàng quý năm 2017; Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2017; Các Phương án huy động vốn và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư; Tạm ứng cổ tức năm 2017 và các chương trình công tác của các thành viên HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định do HĐQT ban hành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

1.3. Các hoạt động giám sát của HĐQT với Ban điều hành

- Tổ chức họp và thẩm định các Báo cáo và Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty về việc tổng kết cũng như kế hoạch hoạt động SXKD, phương án vay vốn Ngân hàng, tiến độ và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư.
- HĐQT đã trao đổi, thảo luận với Ban điều hành về việc thực hiện các chiến lược, mục tiêu đã được ĐHCĐ thường niên thông qua ngày 28/04/2017 để đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành.
- Kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, đóng góp ý kiến với Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã đề ra. HĐQT luôn trao đổi cởi mở và bàn bạc chi tiết với những ý kiến đóng góp cũng như đề xuất của Ban kiểm soát. Các ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và cân nhắc khi HĐQT hoặc Tổng giám đốc ra quyết định.
- HĐQT luôn đưa ra Nghị quyết sau mỗi buổi họp thường kỳ hoặc bất thường để thông qua tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty, kế hoạch SXKD của quý tiếp theo và các biện pháp triển khai để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban. HĐQT phân công công việc cho từng thành viên HĐQT phụ trách riêng về các vấn đề như sản xuất, lương thưởng, nhân sự, tài chính, đầu

tu, kinh doanh ... Các thành viên đã nỗ lực hết sức để đảm nhận tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách Ban kiểm soát (đến thời điểm lập báo cáo này)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần HHA sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nông Văn Quyết	Trưởng BKS	4.408	0,07%
2	Tạ Quốc Bình	TV BKS	0	0%
3	Bùi Thị Thuý	TV BKS	3.644	0,06%
	Tổng cộng		8.052	0,14%

2.2. Các hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong ban và hoạt động theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát đã duy trì họp hàng quý theo quy định với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát; mặt khác thường xuyên liên hệ với bộ máy quản lý điều hành để nắm tình hình hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện trao đổi trực tiếp và đề xuất, kiến nghị trong các cuộc họp HĐQT các vấn đề có liên quan đến xây dựng các quy chế, tăng cường các biện pháp quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành được những nhiệm vụ được giao, đóng góp những kết quả thiết thực trong công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp.
- Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát tập trung vào những nội dung chính sau đây:
 - Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm.
 - Rà soát việc xây dựng và thực hiện các quy định trong quản lý nội bộ của Công ty.
 - Đánh giá các lĩnh vực trong hoạt động SXKD.
 - Theo dõi việc thực hiện những khuyến nghị của Ban kiểm soát đã đưa ra.

2.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

a) Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty

- Ban kiểm soát đã theo dõi việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty. Cùng Công ty kiểm toán rà soát quy trình kiểm toán và các yếu tố loại trừ nhằm ngăn ngừa những sai sót trong quá trình kiểm toán.
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Công ty được lập ngày 26/03/2018 theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính

kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

b) Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD. Ban điều hành đã nghiêm túc thực hiện các quy chế và nghị quyết mà HĐQT đã ban hành. HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính trong hoạt động SXKD mà ĐHĐCĐ năm 2017 đã thông qua. Tuy nhiên, Công ty cũng cần nghiên cứu, tìm ra những giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác quản lý, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã thông qua tổng thù lao của HĐQT năm 2017 là 576 triệu đồng, tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 là 132 triệu đồng. Công ty đã chi đúng, chi đủ số thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết mà ĐHĐCĐ thường niên 2017 đã thông qua.

4. Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan

(Bảng Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan trong năm 2017 đính kèm Báo cáo này)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

(Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán được đính kèm theo Báo cáo này, đồng thời cũng đã được đăng tải trên website Công ty từ ngày 28/03/2018)

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG QUANG LUYẾN

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh.....	2
3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu Bộ máy quản lý	3
4. Định hướng phát triển.....	6
5. Các rủi ro	6
5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô và kinh tế ngành.....	6
5.2. Rủi ro về luật pháp	7
5.3. Rủi ro đặc thù	7
5.4. Rủi ro về tài chính	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017.....	9
1. Tình hình hoạt động SXKD.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
2.1. Danh sách Ban điều hành	9
2.2. Lực lượng lao động và chính sách nhân sự	10
3. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCCB và thực hiện các dự án.....	10
3.1. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCCB	10
3.2. Kết quả triển khai các dự án	11
4. Tình hình tài chính.....	11
4.1. Tình hình tài chính.....	11
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	12
5.1. Cổ phần.....	12
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	12
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	13
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2017	14
a) Thuận lợi	14
b) Khó khăn.....	14
c) Tình hình hoạt động SXKD năm 2017.....	15
2. Tình hình tài chính.....	15
a) Tình hình tài sản.....	15
b) Tình hình nợ phải trả.....	16
3. Kế hoạch năm 2018.....	16
3.1. Một số chỉ tiêu tài chính dự kiến năm 2018	16
3.2. Các biện pháp thực hiện	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	18
1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	18
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty	19
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	19
3.1. Các chỉ tiêu chủ yếu	19
3.2. Về triển khai các dự án.....	20
3.3. Phương hướng SXKD của Công ty giai đoạn 2016-2020	20
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	21
1. Hội đồng quản trị.....	21
1.1. Danh sách Hội đồng quản trị (đến thời điểm lập báo cáo này).....	21
1.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2017	21
1.3. Các hoạt động giám sát của HĐQT với Ban điều hành.....	21
1.4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	21
2. Ban kiểm soát	22
2.1. Danh sách Ban kiểm soát (đến thời điểm lập báo cáo này).....	22
2.2. Các hoạt động của Ban kiểm soát.....	22
2.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.....	22
3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	23
4. Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan	23
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017.....	23

Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan

Năm 2017

TT	Người thực hiện giao dịch	Loại cổ đông	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Sỹ Dũng	Nội bộ - TV HĐQT		330,760	5.61%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
2	Bùi Kỳ Phát	Nội bộ - TV HĐQT		391,855	6.65%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
3	Bùi Thị Hồng Linh	Người có liên quan	Con ruột ông Bùi Kỳ Phát	202,249	3.43%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
4	Trương Quang Luyện	Nội bộ - TV HĐQT		108,289	1.84%	21,515	0.36%	Chuyển nhượng CP
5	Nguyễn Hưng	Nội bộ - TV HĐQT		116,880	1.98%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
6	Nguyễn Thị Hà	Người có liên quan	Em ruột ông Nguyễn Hưng	50,000	0.85%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
7	Đào Mai Hạnh	Nội bộ - TV HĐQT		70,775	1.20%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
8	Đào Thu Hương	Người có liên quan	Em ruột bà Đào Mai Hạnh	15,685	0.27%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
9	Đào Minh Trang	Người có liên quan	Con ruột bà Đào Mai Hạnh	14,190	0.24%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
10	Bùi Quốc Giang	Nội bộ - TV HĐQT		885,000	15.01%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
11	Phan Hưng	Nội bộ - TV HĐQT		251,824	4.27%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
12	Tạ Quốc Bình	Nội bộ - TV BKS		732,228	12.42%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
13	Hoàng Mạnh Anh	Nội bộ - Phó TGD		15,436	0.26%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
14	Nguyễn Quang Vũ	Nội bộ - Kế toán trưởng		6,174	0.10%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
15	Nguyễn Thùy Linh	Người có liên quan	Vợ ông Nguyễn Quang Vũ	15,556	0.26%	-	0.00%	Chuyển nhượng CP
16	Phan Thị Thu Hương	Cổ đông lớn		198,898	3.37%	1,335,722	22.65%	Nhận chuyển nhượng CP
17	Bùi Thị Thúy Vân	Cổ đông lớn		240,398	4.08%	972,802	16.50%	Nhận chuyển nhượng CP
18	Trương Thị Mai Hương	Cổ đông lớn		285,160	4.84%	303,984	5.16%	Nhận chuyển nhượng CP
19	Công ty TNHH Xây Dựng Dân Dụng Phú	Cổ đông lớn		-	0.00%	1,356,049	23.00%	Nhận chuyển nhượng CP
20	Công ty TNHH Xây Dựng Dân Dụng Olympia	Cổ đông lớn		-	0.00%	967,170	16.40%	Nhận chuyển nhượng CP
21	Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	Cổ đông lớn		-	0.00%	746,394	12.66%	Nhận chuyển nhượng CP

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Sỹ Dờng	Chủ tịch
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Trương Quang Luyến	Thành viên
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên
Ông Phan Hưng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 66/2018/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/03/2018 và được trình bày từ trang số 05 đến trang 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN Kiểm toán 0034-2018-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN Kiểm toán 1396-2018-055-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.014.430.181	221.440.333.768
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.518.998.448	12.904.601.468
1. Tiền	111		8.518.998.448	12.904.601.468
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.964.289.970	38.318.267.234
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.380.302.081	13.240.738.951
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.128.272.608	21.181.444.513
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.579.839.957	6.978.358.203
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.124.124.676)	(3.082.274.433)
III. Hàng tồn kho	140	8	145.637.835.430	165.807.912.251
1. Hàng tồn kho	141		148.012.854.424	167.687.385.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.375.018.994)	(1.879.473.221)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.893.306.333	4.409.552.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	674.574.599	654.307.188
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.127.653.699	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.091.078.035	3.755.245.627
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		251.686.790.488	247.605.883.587
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.400.000.000	48.499.877.998
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	48.400.000.000	48.499.877.998
II. Tài sản cố định	220		87.882.006.777	84.191.207.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	84.319.049.144	76.379.682.782
- Nguyên giá	222		175.063.973.644	158.073.657.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.744.924.500)	(81.693.975.106)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	3.562.957.633	7.811.524.583
- Nguyên giá	228		4.933.362.250	8.790.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.370.404.617)	(978.710.167)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	102.228.864.616	106.237.839.700
- Nguyên giá	231		176.133.510.949	176.133.510.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(73.904.646.333)	(69.895.671.249)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.541.899.139	8.141.672.825
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	11.541.899.139	8.141.672.825
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.634.019.956	535.285.699
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.529.380.909	535.285.699
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		104.639.047	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		438.701.220.669	469.046.217.355

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

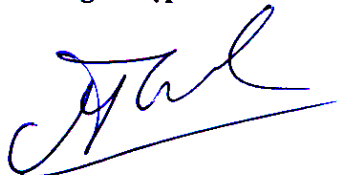
MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		301.391.084.680	335.622.424.906
I. Nợ ngắn hạn	310		117.463.177.031	160.711.837.642
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	40.364.102.686	41.495.013.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		598.200.456	419.238.773
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	49.120.273	1.286.818.138
4. Phải trả người lao động	314		15.243.324.900	12.928.668.953
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.415.147.917	11.924.212.939
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	3.865.928.223	1.276.166.440
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.779.398.856	9.294.883.620
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	38.288.961.326	75.780.773.169
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.858.992.394	6.306.061.897
II. Nợ dài hạn	330		183.927.907.649	174.910.587.264
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	47.415.122.423	48.186.970.632
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	76.127.474.995	68.415.091.199
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	60.385.310.231	58.308.525.433
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.310.135.989	133.423.792.449
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	137.210.135.989	133.323.792.449
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.961.000.000	58.961.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.345.758.899	13.542.149.721
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.164.374.511	3.806.130.187
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.364.777.124	39.640.287.086
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		12.475.400.613	12.475.400.613
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.889.376.511	27.164.886.473
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		100.000.000	100.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		438.701.220.669	469.046.217.355

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**BẢNG CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	570.463.814.305	530.320.388.657
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	12.357.569.187	1.577.364.853
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		558.106.245.118	528.743.023.804
4. Giá vốn hàng bán	11	25	405.079.983.775	382.165.529.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153.026.261.343	146.577.494.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		37.317.811	113.822.476
7. Chi phí tài chính	22	26	7.923.379.993	6.547.661.847
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.050.103.649	4.209.433.127
8. Chi phí bán hàng	25	27	86.658.335.827	80.470.173.503
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	23.874.706.333	24.868.940.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.607.157.001	34.804.540.421
11. Thu nhập khác	31	30	1.984.144.834	1.442.765.603
12. Chi phí khác	32	31	1.476.013.433	1.548.135.499
13. Lợi nhuận khác	40		508.131.401	(105.369.896)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.115.288.402	34.699.170.525
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	7.330.550.938	7.534.284.052
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(104.639.047)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.889.376.511	27.164.886.473
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.784	3.536

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc

Trương Quang Luyện

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

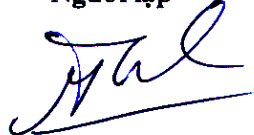
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.115.288.402	34.699.170.525
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	19.043.410.337	18.220.499.656
- Các khoản dự phòng	03	537.396.016	2.870.316.391
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	19.614	(69.519)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(506.224.582)	(478.649.713)
- Chi phí lãi vay	06	5.050.103.649	4.209.433.127
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.239.993.436	59.520.700.467
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	18.791.103.502	(52.189.100.121)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19.674.531.048	(2.167.888.168)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.858.645.934)	37.737.463.384
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.014.362.621)	(196.054.814)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.095.605.261)	(4.133.657.859)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.217.715.920)	(8.006.139.194)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	399.300.000	65.420.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.161.102.474)	(2.065.972.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.757.495.776	28.564.771.069
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.178.780.605)	(31.734.872.489)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.126.545.455	492.204.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.317.811	112.444.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.014.917.339)	(31.130.224.294)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	313.811.515.825	371.511.000.019
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(351.303.327.668)	(360.918.189.233)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.636.350.000)	(11.792.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.128.161.843)	(1.199.389.214)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.385.583.406)	(3.764.842.439)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.904.601.468	16.669.374.388
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.614)	69.519
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.518.998.448	12.904.601.468

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

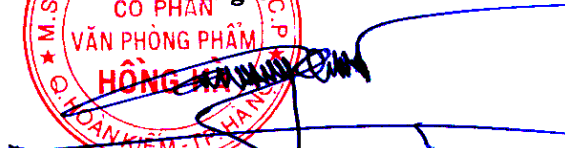
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ



Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyện

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0100100216 ngày 03/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nhà máy sản xuất của Công ty đặt tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh (hạch toán phụ thuộc) sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (TP.Hà Nội)	Số C12/1A áp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

4.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 năm.

Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty vẫn đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng. Nguyên giá của bất động sản đầu tư nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/6/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà, chi phí sửa chữa cải tạo phân xưởng và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh. Các khoản chi phí thuê nhà có thời gian dưới 12 tháng được theo dõi là chi phí trả trước ngắn hạn, các khoản chi phí thuê nhà có thời gian trên 12 tháng được theo dõi là khoản chi phí trả trước dài hạn.

4.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả thầu phụ; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định..., trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;
- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ do nhà thầu đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu, xuất hóa đơn;

4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

- a) Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;
- b) So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;
- c) Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện bằng nhiều hoạt động khác nhau mà không tách biệt được và được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán nhất định thì doanh thu từng kỳ được ghi nhận theo phương pháp bình quân. Khi có một hoạt động cơ bản so với các hoạt động khác thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo hoạt động cơ bản đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác: phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.045.145.354	699.157.352
Tiền gửi ngân hàng	7.473.853.094	12.205.444.116
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>8.518.998.448</u>	<u>12.904.601.468</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	8.634.233.300	2.016.387.509
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Phát Triển A Và T	1.622.376.972	1.622.376.972
Công ty TNHH Tân Thành Phương	-	1.495.552.421
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.123.691.809	8.106.422.049
Cộng	<u>16.380.302.081</u>	<u>13.240.738.951</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	10.579.839.957	-	6.978.358.203	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam		-	-	-
Ký cược, ký quỹ	435.396.333	-	112.756.160	-
Tạm ứng	219.070.000	-	785.147.600	-
Cổ tức đã tạm ứng (*)	8.842.584.590	-	5.894.534.590	-
Phải thu khác	1.082.789.034	-	185.919.853	-
Dài hạn	48.400.000.000	-	48.499.877.998	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	99.877.998	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (**)	48.400.000.000	-	48.400.000.000	-
Cộng	58.979.839.957	-	55.478.236.201	-

(*): Trong năm 2017, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐQT ngày 15/09/2017. Tổng số tiền cổ tức tạm ứng trong năm 2017 tương đương 15% vốn điều lệ, được Công ty theo dõi và ghi nhận ở bên Nợ tài khoản 338 - Phải trả khác. Số cổ tức này sẽ được quyết toán và ghi giảm tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phê duyệt.

(**): Khoản phải thu Tổng công ty Giấy Việt Nam liên quan đến phần diện tích Tổng công ty được khai thác, sử dụng của công trình tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.908.977.580	-	4.082.183.424	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.313.868.749	(2.375.018.994)	38.087.272.375	(1.879.473.221)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	5.365.569.789	-	7.538.333.227	-
Thành phẩm	57.929.379.504	-	66.833.350.099	-
Hàng hoá	45.495.058.802	-	51.146.246.347	-
Cộng	148.012.854.424	(2.375.018.994)	167.687.385.472	(1.879.473.221)

(*): Bao gồm giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất tại ngày 31/12/2017 là 2.821.687.840 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	674.574.599	654.307.188
Chi phí thuê nhà	674.574.599	654.307.188
Dài hạn	1.529.380.909	535.285.699
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho	95.666.667	-
Công cụ dụng cụ	1.431.804.567	462.140.902
Chi phí khác	1.909.675	73.144.797
Cộng	2.203.955.508	1.189.592.887

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

10. NỢ XẤU

	31/12/2017			01/01/2017				
	Thời gian phát sinh	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian phát sinh	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH TM Quảng Cáo & Bao Bì Ngọc Phát	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (*)	Trên 3 năm	1.622.376.972	(1.622.376.972)	-	Trên 3 năm	1.622.376.972	(1.622.376.972)	-
Công ty TNHH Tuấn Phương	Trên 3 năm	430.550.297	(430.550.297)	-	Trên 3 năm	450.550.297	(450.550.297)	-
DNTN Vũ & Vy	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-
Công ty TNHH TM - DV Rửa Vàng	Trên 3 năm	61.850.243	(61.850.243)	-	Trên 3 năm	61.850.243	-	61.850.243
Cộng		3.124.124.676	(3.124.124.676)	-		3.144.124.676	(3.082.274.433)	61.850.243

(*) Khoản công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là "Công ty A&T") là khoản phải thu về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt. Tuy nhiên, Công ty A&T đã không thanh toán cho Công ty theo quy định của hợp đồng, do đó Công ty đã kiện Công ty A&T ra tòa án dân sự để thu hồi công nợ. Tòa án nhân dân quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án và xử phiên sơ thẩm, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phiên phúc thẩm. Đến ngày 26/05/2016, các bên đã thực hiện hòa giải và có biên bản hòa giải Thành của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh về toàn bộ nợ gốc (phát sinh từ hợp đồng thuê và các biên bản làm việc, đối chiếu công nợ) là 1.622.376.972 đồng, Công ty A&T sẽ thanh toán làm 3 lần. Trong đó, thanh toán lần đầu vào 30/08/2016 và lần cuối chậm nhất đến ngày 28/02/2017. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty A&T chưa thanh toán được số tiền nợ. Công ty đang xúc tiến thu hồi công nợ và đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số trích lập tương ứng 100% giá trị phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	62.583.384.641	85.144.826.497	7.923.807.756	2.421.638.994	158.073.657.888
Mua trong năm	-	9.570.064.002	970.847.272	2.865.618.285	13.406.529.559
Đầu tư XDCB hoàn thành	13.557.514.765	-	-	-	13.557.514.765
Thanh lý, nhượng bán	(1.508.984.442)	(1.577.902.696)	(352.436.182)	-	(3.439.323.320)
Giảm khác	(6.534.405.248)	-	-	-	(6.534.405.248)
Tại ngày 31/12/2017	68.097.509.716	93.136.987.803	8.542.218.846	5.287.257.279	175.063.973.644
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	27.614.478.706	48.090.212.915	4.155.658.636	1.833.624.849	81.693.975.106
Khấu hao trong năm	3.341.972.731	9.973.694.329	824.419.396	502.654.347	14.642.740.803
Thanh lý, nhượng bán	(348.218.258)	(1.577.902.696)	(352.436.182)	-	(2.278.557.136)
Giảm khác	(3.313.234.273)	-	-	-	(3.313.234.273)
Tại ngày 31/12/2017	27.294.998.906	56.486.004.548	4.627.641.850	2.336.279.196	90.744.924.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	34.968.905.935	37.054.613.582	3.768.149.120	588.014.145	76.379.682.782
Tại ngày 31/12/2017	40.802.510.810	36.650.983.255	3.914.576.996	2.950.978.083	84.319.049.144

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 37.967.868.202 đồng (tại 31/12/2016: 39.898.207.080 đồng).

Một số tài sản cố định thuộc nhóm Nhà cửa vật kiến trúc được Công ty thế chấp cho Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 20 – Vay và nợ thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	6.708.372.500	2.081.862.250	8.790.234.750
Mua trong năm	-	640.000.000	640.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(4.496.872.500)	-	(4.496.872.500)
Tại ngày 31/12/2017	<u>2.211.500.000</u>	<u>2.721.862.250</u>	<u>4.933.362.250</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	-	978.710.167	978.710.167
Khấu hao trong năm	-	391.694.450	391.694.450
Tại ngày 31/12/2017	-	<u>1.370.404.617</u>	<u>1.370.404.617</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	<u>6.708.372.500</u>	<u>1.103.152.083</u>	<u>7.811.524.583</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>2.211.500.000</u>	<u>1.351.457.633</u>	<u>3.562.957.633</u>

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	176.133.510.949	176.133.510.949
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-
Tại ngày 31/12/2017	<u>176.133.510.949</u>	<u>176.133.510.949</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	69.895.671.249	69.895.671.249
Khấu hao trong năm	4.008.975.084	4.008.975.084
Tại ngày 31/12/2017	<u>73.904.646.333</u>	<u>73.904.646.333</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	<u>106.237.839.700</u>	<u>106.237.839.700</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>102.228.864.616</u>	<u>102.228.864.616</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	11.416.391.897	1.020.916.145
Cải tạo nhà xưởng và kho cơ sở 2	111.920.242	6.880.794.091
Nhà 94 Lò Đúc (**)	13.587.000	13.587.000
Mua sắm TSCĐ	-	226.375.589
Cộng	<u>11.541.899.139</u>	<u>8.141.672.825</u>

(*): Công trình tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt “ Thuận An Building”), chi tiết:

- Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m2 gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m2/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.
- Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tầng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tầng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.
- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 của Công ty là giá trị tạm tăng. Giá trị của dự án nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017, Công ty sẽ chuyển nhượng lại quyền và nghĩa vụ tại dự án Hồng Hà Office Tower 94 Lò Đúc. Hiện tại, Công ty đang tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển nhượng dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	22.500.138.542	22.500.138.542	11.065.115.215	11.065.115.215
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	18.676.290	18.676.290	4.462.195.222	4.462.195.222
Công ty Cổ phần Giấy và Bao Bì Việt Thăng	1.734.464.353	1.734.464.353	6.844.956.986	6.844.956.986
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất - Bên liên quan	271.656.273	271.656.273	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	15.839.167.228	15.839.167.228	19.122.746.290	19.122.746.290
Cộng	40.364.102.686	40.364.102.686	41.495.013.713	41.495.013.713

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	1.250.159.278	22.057.921.031	23.308.080.309	-
Thuế Nhập khẩu	-	358.248.404	358.248.404	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(3.203.913.053)	7.330.550.938	6.217.715.920	(2.091.078.035)
Thuế Thu nhập cá nhân	36.226.164	1.840.846.345	1.828.061.296	49.011.213
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	432.696	1.036.001.975	1.036.325.611	109.060
Thuế đất, tiền thuế đất	(551.332.574)	10.414.565.932	9.863.233.358	-
Các loại thuế, phí khác	-	29.435.658	29.435.658	-
Cộng	(2.468.427.489)	43.067.570.283	42.641.100.556	(2.041.957.762)

Thuế và các khoản phải thu nhà nước
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

3.755.245.627
1.286.818.138

2.091.078.035
49.120.273

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	4.415.147.917	11.924.212.939
Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	170.892.626	216.394.238
Chi phí xây dựng cơ bản	-	6.808.749.545
Chi phí khuyến mại	4.091.933.224	3.984.770.868
Chi phí khác	152.322.067	914.298.288
Dài hạn	47.415.122.423	48.186.970.632
Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (*)	47.415.122.423	48.186.970.632
Cộng	51.830.270.340	60.111.183.571

(*) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	3.865.928.223	1.276.166.440
- Doanh thu cho thuê văn phòng ngắn hạn	1.890.072.956	1.276.166.440
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn đến hạn phân bổ trong vòng 1 năm tới	1.975.855.267	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	1.410.195.021	-
+ Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	242.371.996	-
+ Công ty CP đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (iii)	323.288.250	-
Dài hạn	76.127.474.995	68.415.091.199
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	54.323.244.451	57.144.402.112
- Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	9.341.989.192	9.608.555.568
- Công ty TNHH Bình Hạnh Đan	-	1.662.133.519
- Công ty CP đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (iii)	12.462.241.352	-
Cộng	79.993.403.218	69.691.257.639

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584 m2.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh - bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ ngày 25/11/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

đến ngày 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ ngày 26/11/2017 đến ngày 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại).

(iii): Hợp đồng thuê văn phòng số 0510/2017/HĐ-TVP ký ngày 05/10/2017 với Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận an Building, thời gian thuê từ ngày 23/12/2016 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 5 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 296 m².

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	6.779.398.856	9.294.883.620
- Kinh phí công đoàn	76.066.937	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.703.331.919	8.671.883.620
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	623.000.000
Dài hạn	60.385.310.231	58.308.525.433
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.294.401.140	1.217.616.342
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (*)	54.090.909.091	54.090.909.091
Cộng	<u>67.164.709.087</u>	<u>67.603.409.053</u>

(*) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN PHÒNG PHẠM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	38.288.961.326	38.288.961.326	313.811.515.825	351.303.327.668	75.780.773.169	75.780.773.169
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	23.252.871.337	23.252.871.337	224.331.141.755	259.065.294.167	57.987.023.749	57.987.023.749
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	-	-	17.742.508.335	17.742.508.335	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	10.191.413.238	10.191.413.238	67.048.188.984	73.255.525.166	16.398.749.420	16.398.749.420
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (iii)	4.669.676.751	4.669.676.751	4.669.676.751	-	-	-
Vay cá nhân (iv)	175.000.000	175.000.000	20.000.000	1.240.000.000	1.395.000.000	1.395.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	38.288.961.326	38.288.961.326	313.811.515.825	351.303.327.668	75.780.773.169	75.780.773.169

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/17/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 05/09/2017, hạn mức cho vay là 140 tỷ đồng, thời hạn rút vốn là hết ngày 30/06/2018 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê (lợi thế vị trí địa lý) và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội theo Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm ngày 30/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương và Công ty. Tổng giá trị định giá lại của tài sản thế chấp là 131 tỷ đồng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2208/VIB-VPPHH ký ngày 22/08/2017, hạn mức cho vay là 50 tỷ, thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng. Bên vay cam kết doanh số chuyển khoản trực tiếp về Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tối thiểu 15% doanh thu, 100% doanh thu đối với các hợp đồng do VIB mở L/C phát hành bảo lãnh về tài khoản của mình.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số HQV20171123/HĐTD ký ngày 29/08/2017, hạn mức cho vay là 40 tỷ đồng, thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	58.961.000.000	17.374.225.455	4.900.411.071	3.806.130.187	43.208.693.251	128.250.459.964
Lãi trong năm	-	-	-	-	27.164.886.473	27.164.886.473
Phân phối lợi nhuận	-	-	8.641.738.650	-	(30.733.292.638)	(22.091.553.988)
Tại ngày 01/01/2017	58.961.000.000	17.374.225.455	13.542.149.721	3.806.130.187	39.640.287.086	133.323.792.449
Lãi trong năm	-	-	-	-	27.889.376.511	27.889.376.511
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	1.803.609.178	1.358.244.324	(27.164.886.473)	(24.003.032.971)
Tại ngày 31/12/2017	58.961.000.000	17.374.225.455	15.345.758.899	5.164.374.511	40.364.777.124	137.210.135.989

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

- Chia cổ tức với số tiền là 17.688.300.000 đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 1.803.609.178 đồng;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 1.358.244.324 đồng;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 4.074.732.971 đồng;
- Thương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành: 2.240.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Phú Quốc	23,00%	13.560.490.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Olympia	16,40%	9.671.700.000	-
Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	12,66%	7.463.940.000	-
Bà Phan Thị Thu Hương	22,65%	13.357.220.000	-
Bà Bùi Thị Thúy Vân	16,50%	9.728.020.000	-
Bà Trương Thị Mai Hương	5,16%	3.039.840.000	-
Ông Bùi Kỳ Phát	0,00%	-	3.638.550.000
Ông Bùi Quốc Giang	0,00%	-	8.850.000.000
Ông Tạ Quốc Bình	0,00%	-	7.322.280.000
Ông Võ Sỹ Dờng	0,00%	-	3.307.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	3,63%	2.139.790.000	35.842.570.000
Cộng	100%	58.961.000.000	58.961.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia cổ tức và phân phối lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
Lợi nhuận đã chia	27.164.886.473	30.733.292.638
Phân phối lợi nhuận năm trước	27.164.886.473	30.733.292.638
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	1.803.609.178	8.641.738.650
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.358.244.324	-
- Chia cổ tức	17.688.300.000	14.740.250.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng HĐQT, ban kiểm soát và ban điều hành	6.314.732.971	7.351.303.988
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.896.100</i>	<i>5.896.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.896.100</i>	<i>5.896.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	83.706.163.837	83.706.163.837
Ngoại tệ		
- USD	362,14	374,55

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	531.848.552.053	496.980.077.355
Doanh thu cho thuê tài sản và dịch vụ kèm theo	38.615.262.252	33.340.311.302
Cộng	<u>570.463.814.305</u>	<u>530.320.388.657</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	249.090.145	244.523.948

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	12.357.569.187	1.577.364.853
Cộng	<u>12.357.569.187</u>	<u>1.577.364.853</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng	391.795.399.441	370.417.883.047
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.284.584.334	11.747.646.662
Cộng	<u>405.079.983.775</u>	<u>382.165.529.709</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	5.050.103.649	4.209.433.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	19.614	-
Chiết khấu thanh toán	2.660.811.861	2.109.892.127
Chi phí tài chính khác	212.444.869	228.336.593
Cộng	<u>7.923.379.993</u>	<u>6.547.661.847</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	18.339.550.482	15.994.689.855
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.994.336.608	1.754.644.146
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.669.508	90.988.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.350.445.573	7.142.380.033
Chi phí khác	58.948.333.656	55.487.470.751
Cộng	86.658.335.827	80.470.173.503

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.045.286.315	12.989.034.972
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.159.571.335	1.639.666.446
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.629.780	632.739.125
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	41.850.243	990.843.170
Thuế, phí, lệ phí	331.533.329	346.747.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.669.676.566	2.084.391.567
Chi phí bằng tiền khác	5.521.158.765	6.185.517.589
Cộng	23.874.706.333	24.868.940.800

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.435.313.107	199.118.400.073
Chi phí nhân công	55.931.010.762	54.243.882.869
Chi phí khấu hao	19.043.410.337	18.220.499.656
Chi phí dự phòng	537.396.016	2.870.316.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.126.727.090	25.373.536.077
Chi phí khác bằng tiền	71.892.536.128	64.974.230.446
Cộng	356.966.393.440	364.800.865.512

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi thanh lý TSCĐ	468.906.771	406.831.850
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	720.378.992	444.000.451
Thu bán phế liệu và các khoản khác	794.859.071	591.933.302
Cộng	1.984.144.834	1.442.765.603

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Điều chỉnh vật tư thiếu khi kiểm kê	1.105.432.275	409.496.935
Các khoản chi phí khác	370.581.158	1.138.638.564
Cộng	1.476.013.433	1.548.135.499

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.115.288.402	34.699.170.525
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	957.928.799	1.088.257.713
Trừ:	543.195.235	20.000.000
- Thu nhập không chịu thuế	20.000.000	20.000.000
- Chi phí năm 2016 được tính vào năm 2017	523.195.235	-
Thu nhập chịu thuế trong năm	35.530.021.966	35.767.428.238
Thuế suất	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.106.004.393	7.153.485.648
Thuế TNDN truy thu, bổ sung của năm trước	224.546.545	380.798.404
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.330.550.938	7.534.284.052

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.889.376.511	27.164.886.473
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	5.577.875.302	6.314.732.971
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.311.501.209	20.850.153.502
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.784	3.536

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số trích theo phân phối lợi nhuận năm 2016, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 là số tạm trích theo kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2017/NQ – ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất		
- Mua vật tư, hàng hóa	3.936.932.339	4.029.441.195
- Mua tài sản cố định	100.000.000	-
Thu nhập của Ban điều hành	2.778.158.000	2.711.710.403
Hội đồng quản trị	432.000.000	367.400.000
Ban Tổng giám đốc	2.346.158.000	2.344.310.403

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	-	4.680.845.614

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.518.998.448	12.904.601.468
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.016.947.362	64.851.553.119
Cộng	80.535.945.810	77.756.154.587
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	38.288.961.326	75.780.773.169
Phải trả người bán và phải trả khác	107.452.744.836	109.098.422.766
Chi phí phải trả	51.830.270.340	60.111.183.571
Cộng	197.571.976.502	244.990.379.506

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường

- Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì các giao dịch mua hàng, bán hàng lớn đều bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính	8.207.903	8.509.776
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.207.903	8.509.776
Cộng	8.207.903	8.509.776
Công nợ tài chính	3.016.331.113	2.540.723.424
Phải trả người bán	3.016.331.113	2.540.723.424
Mức độ rủi ro tiền tệ	(3.008.123.210)	(2.532.213.648)

- Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính quá hạn	3.124.124.676	3.144.124.676
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
Quá hạn từ 03 năm trở lên	3.124.124.676	3.144.124.676
Tài sản tài chính giảm giá	-	-
Cộng	<u>3.124.124.676</u>	<u>3.144.124.676</u>

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) hoặc giảm giá nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017			
Các khoản vay	38.288.961.326	-	38.288.961.326
Phải trả người bán và phải trả khác	47.067.434.605	60.385.310.231	107.452.744.836
Chi phí phải trả	4.415.147.917	47.415.122.423	51.830.270.340
Tại ngày 01/01/2017			
Các khoản vay	75.780.773.169	-	75.780.773.169
Phải trả người bán và phải trả khác	50.789.897.333	58.308.525.433	109.098.422.766
Chi phí phải trả	11.924.212.939	48.186.970.632	60.111.183.571

Đo lường theo giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

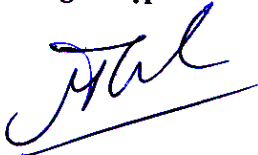
Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ



Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

